

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 397/2025/DS-PT

Ngày: 01-8-2025

V/v: “Tranh chấp đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Hạnh.

Các Thẩm phán:

Bà Đào Thị Thủy.

Bà Lê Thị Thọ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Chúc – Thẩm tra viên Tòa án,
Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà Nguyễn
Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên trung cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang (cũ).
Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý
số: 173/2025/TLPT-DS ngày 30 tháng 6 năm 2025 về việc “*Tranh chấp đòi
lại tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 78/2025/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2025
của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang nay là Tòa án nhân dân
KV, thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 173/2025/TLPT-DS
ngày 30 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Trọng T năm 1963.

Địa chỉ: ấp T, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Nay là xã H, thành
phố C mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn L năm 1964.

Địa chỉ: ấp M, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Nay là xã H, thành
phố C mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lê Hồng T1 năm 1963.

Địa chỉ: ấp T, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Nay là xã H, thành
phố C mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị Á năm 1967.

Địa chỉ: ấp M, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Nay là xã H, thành
phố C mặt.

3.3. Bà Trần Thị Thu P năm 1972.

Địa chỉ: ấp M, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Nay là xã H, thành phố C mặt.

3.4. Bà Trần Thị T2 năm 1967.

Địa chỉ: ấp M, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Nay là xã H, thành phố Cần Thơ

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Trần Văn L1

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/10/2024, quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Trọng T3 bày: Vào năm 1995, ông có cho ông Trần Văn L2 26 (hai mươi sáu) chỉ vàng 24k, khi mượn ông L18 hứa với ông sẽ trả lại sau 30 ngày nhưng không trả, sau đó đi khỏi địa phương. Đến năm 1998, khi ông T4 tận chỗ làm của ông Trần Văn L tại Bình D để đòi số vàng trên. Tại đây, ông L3 không có khả năng nên có viết tờ cam kết hẹn đến cuối tháng 02 năm 1998 âm lịch trả nhưng không thực hiện. Sau đó, ông T5 đến gia đình ông L4 tìm ông L5 được gia đình ông L9 10 (mười) chỉ vàng 24K. Đến nay, ông L6 trở về, ông T6 gặp ông L7 yêu cầu ông L9 số vàng còn lại nhưng ông L8 đồng ý. Nay, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn L9 số vàng mượn còn lại 16 (mười sáu) chỉ vàng 24k loại 98% cho ông.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Văn L10 bày: Vào tháng 07/1996, ông có vay của ông Lê Trọng T7 (mười hai) chỉ vàng 24k, với lãi suất 10%/tháng. Sau đó, ông T5 đến chỗ làm của ông tại Bình Dương để đòi số vàng, ông có viết tờ cam kết có mượn số vàng của ông T8 kết tại Bình Phước lập ngày 02/01/1998 (âl) là vốn và lãi tổng cộng là 26 (hai mươi sáu) chỉ vàng 24K. Đầu năm 1999, mẹ ông là bà Lê Thị M vợ ông là bà Nguyễn Thị Á1 đến nhà ông T9 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) tiền lãi, thời điểm này vàng khoảng 4.600.000 đồng/cây. Đầu năm 2001, em gái tên Trần Thị Thu P1 01 (một) cây vàng 24K cho ông Lê Trọng T10 (không lập biên nhận). Nay, ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Lê Trọng T11 ông đã trả hết số vàng cho ông T

Người có quyền lợi, quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Á2 bày: Cuối năm 1999, bà cùng mẹ chồng là bà Lê Thị M1 (hiện bà M2 yếu) có qua trả tiền lãi cho vợ chồng ông T12 đồng tương đương với 01 (một) cây vàng 24k thời điểm năm 1999 (không giấy tờ), vợ ông T13 đãi cơm cho mẹ con bà. Đến năm 2000 em gái ông L9 thêm 01 (một) cây vàng 24k, từ đó đến nay nghĩ đã trả xong cho gia đình ông T14, ông T18 kiện ông L9 số vàng còn lại 16 (mười sáu) chỉ vàng 24k là không đúng.

Người có quyền lợi, quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê H T1 trình bày: Năm 1995, vợ chồng bà có cho ông Trần Văn L2 26 (hai mươi sáu) chỉ vàng

24k. Sau đó em ông L18 trả 10 (mười) chỉ vàng 24k, cho đến nay không trả thêm được. Do ông L8 có ở địa phương, đến năm 2024 vợ chồng mới biết ông L11 lại địa phương nên mới nhờ địa phương giải quyết nhưng không thành. Nay, yêu cầu ông L12 có trách nhiệm trả lại số vàng còn nợ là 16 (mười sáu) chỉ vàng 24k cho vợ chồng bà.

Người có quyền lợi, quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thu P2 bày: Bà là em ruột của ông L13 năm 2000 có trả dùm cho anh L14 (một) cây vàng 24k cho vợ chồng ông TTrước đó thì vợ ông L7 mẹ có trả 5.000.000 đồng, số vàng ông L2 ông T15 trả xong. Việc ông T18 kiện yêu cầu ông L9 số 16 (mười sáu) chỉ vàng 24k còn nợ là không đúng.

Người có quyền lợi, quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T16 bày: Bà là em ruột của ông L15 vợ ông L16 mẹ ông L17 trả tiền cho ông T5 nhờ bà lại giữ nhà dùm. Sau khi trả xong về có nói lại bà nghe. Bà chỉ biết vậy, do công việc gia đình nên đề nghị Tòa án cho vắng mặt lý do bà không có yêu cầu gì trong vụ án.

Tại bản án sơ thẩm số 78/2025/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang nay là Tòa án nhân dân KV, thành phố Cần Thơ tuyên xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Trọng T10

Buộc ông Trần Văn L18 nghĩa vụ trả cho ông Lê Trọng T17 (mười sáu) chỉ vàng 24k loại loại 98%.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11 tháng 4 năm 2025, bị đơn ông Trần Văn L1 có đơn kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố V, nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 thành phố Cần Thơ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu quan điểm từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Trần Văn L1 kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Đối với kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn ông Lê Trọng T18 kiện yêu cầu ông Trần Văn L9 cho ông 16 chỉ vàng 24k loại 98%, nguyên đơn cho rằng cho ông L2 vàng từ năm

1995, ông L19 30 ngày trả lại, nhưng sau đó ông L8 trả, ông có đến chỗ làm của ông L4 đòi và ông L18 ký xác nhận có mượn của ông Lê Trọng T19 cây sáu chỉ vàng hên đến cuối tháng 9/98 âm lịch sẽ trả, cam kết ký ngày 2/01/1998 dương lịch, sau thời gian thỏa thuận ông L17 làm ăn xa không trả. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông L20 rằng mẹ ông và vợ ông đã trả cho nguyên đơn năm triệu đồng, sau đó em gái ông có trả tiếp cho nguyên đơn 10 chỉ vàng, ông có nghe nói cha ông hiện đã chết có trả cho nguyên đơn 10 chỉ vàng, hiện tại ông không còn nợ nần gì nguyên đơn.

Xét thấy, việc trả nợ của bị đơn chỉ được nguyên đơn thừa nhận có nhận 10 chỉ vàng do bà P1 thay cho nguyên đơn, còn lại 16 chỉ vàng bị đơn chưa trả cho nguyên đơn, việc bị đơn cho rằng đã trả nhưng không cung cấp được chứng cứ, chứng minh có việc đã trả xong nợ cho nguyên đơn, mặt khác nếu đã trả xong thì bị đơn phải yêu cầu nguyên đơn trả lại tờ cam kết cho mình, do vậy căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định “đương sự phản đối yêu cầu của người khác phải đưa ra chứng cứ chứng minh...”. Do bị đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 16 chỉ vàng 24k loại 98% là có căn cứ.

Đối với kháng cáo của bị đơn cho rằng khoản nợ đã 24 năm nên không còn thời hiệu khởi kiện. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ Điều 166, khoản 2 Điều 55 Bộ luật dân sự, có quy định không áp dụng thời hiệu đối với yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu, nên kháng cáo này của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định trên, xét kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn L21 không có căn cứ chấp nhận. Chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Trần Văn L21 người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 166 Bộ luật dân sự 2015;

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn L1

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 78/2025/DS-ST ngày 28/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Nay là Tòa án nhân dân KV, thành phố Cần Thơ.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Trần Văn L21 người cao tuổi nên được miễn theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 01 tháng 8 năm 2025.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Cần Thơ;
- THADS TP. Cần Thơ;
- Tòa án nhân dân KV – Cần Thơ;
- Phòng THADS KV – Cần Thơ;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Bích Hạnh